BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

Địa chỉ: Xóm Dân Chủ, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 02073.878.203

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 2626 Fax: (84-24) 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ : Tầng 12, Tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3.944.6666 Fax: (024) 3.944.8071

Tuyên Quang, năm 2018

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ 6
I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA 7
II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 7
III. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHỦ YẾU, ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG 8
IV. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN 8
V. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP 11
VI. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP 13
1. Tình hình đất đai đang sử dụng 13
2. Máy móc, thiết bị 15
3. Phương tiện vận tải 15
VII. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON 15
VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA 15
1. Tình hình hoạt động kinh doanh 15
2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014 - 2016 18
3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 19
IX. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH 19
1. Vị thế của Công ty trong ngành 19
2. Triển vọng phát triển của ngành 20
3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước 20
X. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 21
1. Cơ hội và thách thức 21
2. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản. 21
XI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 24
1. Diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng 24
2. Diện tích đất giữ lại sử dụng 25
3. Diện tích đất trả lại địa phương 26

4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất *26*

XII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA **27**

XIII. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ **27**

1. Quy mô vốn điều lệ: 27

2. Cơ cấu vốn điều lệ: 28

XIV. RỦI RO DỰ KIẾN **28**

1. Rủi ro về kinh tế 28

2. Rủi ro luật pháp 29

3. Rủi ro đặc thù 29

4. Rủi ro từ đợt chào bán 29

5. Rủi ro khác 30

XV. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN **30**

1. Phương thức bán 30

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán 33

XVI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA **33**

XVII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN **34**

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi 34

2. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi 34

3. Đại diện tổ chức tư vấn 34

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng biểu

Bảng số 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa 8
Bảng số 2. Cơ cấu lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 9
Bảng số 3. Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa 9
Bảng số 4. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần 10
Bảng số 5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016 11
Bảng số 6. Tình hình đất đai doanh nghiệp đang sử dụng 13
Bảng số 7. Tình hình máy móc, thiết bị tại thời điểm 31/12/2016 15
Bảng số 8. Tình hình Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/12/2016 15
Bảng số 9. Doanh thu và lợi nhuận trước khi cổ phần hóa 16
Bảng số 10. Danh sách nhà cung cấp Nguyên vật liệu chính cho Công ty 16
Bảng số 11. Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2014-2016 17
Bảng số 12. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2016 18
Bảng số 13. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần 23
Bảng số 14. Diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng 24
Bảng số 15. Diện tích đất giữ lại sử dụng 25
Bảng số 16. Diện tích đất trả lại địa phương 26
Bảng số 17. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất 26
Bảng số 18. Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa 28
Bảng số 19. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần 33

CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. "*Công ty*": Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi

2. "*Cổ phần*": Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

3. "*Cổ phiếu*": Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.

4. "*Cổ đông*": Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.

5. "*Cổ tức*": Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

6. "*Vốn điều lệ*": vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

CTCP	Công ty cổ phần.
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông.
HĐQT	Hội đồng quản trị.
BKS	Ban kiểm soát.
GĐ	Giám đốc.
CBCNV	Cán bộ công nhân viên.
HĐLĐ	Hợp đồng lao động.
TSCĐ	Tài sản cố định.
TSLĐ	Tài sản lưu động.
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán.
UBCKNN	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
UBND	Ủy Ban Nhân Dân.
CPH	Cổ phần hóa.
DN	Doanh nghiệp.
GTDN	Giá trị doanh nghiệp

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Thông tư 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp;
- Thông tư 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;
- Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 26/05/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê quyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 23/09/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy trình, kế hoạch thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPH ngày 12/12/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi về việc thành lập Tổ chuyên giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 02/QĐ-BCĐCPH ngày 12/12/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;
- Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;

- *Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 26/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án sắp xếp lao động của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi;*
- Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi
- Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 22/06/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Tên tiếng Việt	:	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI**
Tên giao dịch	:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI
Trụ sở chính	:	Xóm Dân Chủ, xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
Điện thoại	:	02073.878.203
Email	:	ctylnnguyenvantroi@gmail.com
Mã số thuế	:	5000155997
Vốn điều lệ theo ĐKKD	:	7.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ đồng)*
Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2017	:	7.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ đồng)*
Hình thức doanh nghiệp	:	Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, đại diện chủ sở hữu là UBND Tỉnh Tuyên Quang

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000155997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 16/04/2012, thay đổi lần thứ nhất ngày 16/09/2014)

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000155997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 16/04/2012, thay đổi lần thứ nhất ngày 16/09/2014, Công ty hoạt động trong những ngành nghề như sau:

Bảng số 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210 (chính)
2	Ươm giống cây lâm nghiệp	02101
3	Khai thác gỗ có nguồn gốc hợp pháp	0221
4	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
5	Sản xuất đồ gỗ xây dựng từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp	1622
6	Sản xuất bao bì từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp	1623
7	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	46631
8	Tư vấn quản lý dự án, lập dự án đầu tư, lập dự toán công trình lâm sinh (trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng) (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

III. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHỦ YẾU, ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

- **Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng, ươm giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác gỗ; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;

- **Địa bàn hoạt động:**

Công ty sản xuất kinh doanh trên địa bàn 02 xã (xã Đội Cấn, xã Thái Long) thuộc thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và 08 xã (xã Đội Bình, xã Chân Sơn, xã Trung Môn, xã Lang Quán, xã Hoàng Khai, xã Phú Lâm, xã Mỹ Bằng, xã Kim Phú) thuộc địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

IV. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2016) là **45 người**. Phân loại lao động của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 2. Cơ cấu lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

TT	Loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Phân loại theo trình độ**	**45**	**100%**
1	Trên đại học	1	2,22%
2	Đại học	13	28,90%
3	Sơ cấp	1	2,22%
4	Trung cấp	2	4,44%
5	Công nhân kỹ thuật, trình độ khác	28	62,22%
II	**Phân loại theo hợp đồng lao động**	**45**	**100%**
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	3	6,67%
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	41	91,11%
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	1	2,22%
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.	-	-
III	**Phân loại theo giới tính**	**45**	**100%**
1	Nam	32	71,11%
2	Nữ	13	28,89%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Bảng số 3. Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa

TT	Nội dung	Tổng số (người)
I	**Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**	**45**
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	3
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	42
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	*41*

TT	Nội dung	Tổng số (người)
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	*1*
	- LĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng	-
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	-
II	**Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**03**
III	**Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần**	**42**
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	-
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	42
3	Số lao động nghỉ chế độ BHXH	-
4	Số lao động đang nghỉ hưởng không lương	-
5	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	-

(Nguồn: Phương án sử dụng lao động của Công ty sau cổ phần hóa)

Bảng số 4. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	**42**	**100%**
1. Phân theo trình độ lao động	**42**	**100%**
– Trình độ Đại học và trên đại học	12	28,57%
– Trình độ trung cấp	2	4,76%
– Công nhân kỹ thuật	24	57,14%
– Lao động phổ thông	4	9,53%
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	**42**	**100%**
Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	2	4,76%
Lao động làm việc theo HĐLĐ	40	95,24%
– *HĐLĐ không thời hạn*	39	92,86%

– *HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng*		1	2,38%
– *HĐLĐ theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng*		0	0%
3. Phân theo giới tính		**42**	**100%**
- Nam		29	69%
- Nữ		13	31%

(Nguồn: Phương án sử dụng lao động của Công ty sau cổ phần hóa)

V. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Giá trị thực tế doanh nghiệp xác định tại thời điểm 31/12/2016: 29.721.834.331 đồng, trong đó:

- Nợ phải trả : 11.215.484.442 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp : 18.506.349.889 đồng

Bảng số 5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	**TÀI SẢN ĐANG DÙNG**	**21.719.091.538**	**29.721.834.331**	**8.002.742.793**
I	**TSCĐ và đầu tư dài hạn**	**987.650.120**	**1.562.889.341**	**575.239.221**
1	**Tài sản cố định**	**648.456.718**	**1.155.926.244**	**507.469.526**
a	TSCĐ hữu hình	588.456.718	1.095.926.244	507.469.526
-	Nhà, vật kiến trúc	418.644.102	700.020.336	281.376.234
-	Máy móc thiết bị	35.333.333	35.333.333	-
-	Phương tiện vận tải	134.479.283	360.572.575	226.093.292
b	TSCĐ vô hình	60.000.000	60.000.000	-
2	**Các khoản phải thu dài hạn**	-	-	-
-	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
3	**Tài sản dở dang dài hạn**	**339.193.402**	**339.193.402**	-
4	**Tài sản dài hạn khác**	-	**67.769.696**	**67.769.696**

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
-	Chi phí trả trước dài hạn	-	67.769.696	67.769.696
-	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
II	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**	**20.731.441.418**	**26.535.537.325**	**5.804.095.907**
1	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**6.020.335.743**	**6.020.335.743**	-
-	Tiền mặt tồn quỹ	1.183.165.552	1.183.165.552	-
-	Tiền gửi ngân hàng	4.837.170.191	4.837.170.191	-
-	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	-	-	-
3	**Các khoản phải thu**	**1.596.479.351**	**1.596.479.351**	-
-	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	176.840.518	176.840.518	-
-	Trả trước cho người bán ngắn hạn	211.151.800	211.151.800	-
-	Phải thu ngắn hạn khác	1.208.487.033	1.208.487.033	-
4	**Vật tư hàng hóa tồn kho**	**12.643.225.524**	**18.447.321.431**	**5.804.095.907**
5	**Tài sản lưu động khác**	**471.400.800**	**471.400.800**	-
III	**Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp**	-	**1.623.407.665**	**1.623.407.665**
IV	**Giá trị quyền sử dụng đất**	-	-	-
B	**TÀI SẢN SỰ NGHIỆP**	-	-	-
C	**TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG**	-	-	-
D	**TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ**	-	-	-
E	**TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, QUỸ PHÚC LỢI (không sử dụng cho**	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	SXKD)			
F	**TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D + E)** Trong đó:	**21.719.091.538**	**29.721.834.331**	**8.002.742.793**
G	**TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP** (Mục A)	**21.719.091.538**	**29.721.834.331**	**8.002.742.793**
G1	Nợ thực tế phải trả	11.215.484.442	11.215.484.442	-
H	**TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**	**10.503.607.096**	**18.506.349.889**	**8.002.742.793**

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

VI. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tình hình đất đai đang sử dụng

Hiện nay, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi đang quản lý và sử dụng các khu đất theo thông tin sau:

Bảng số 6. Tình hình đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Trong đó (ha)			
				SD đúng mục đích	SD không đúng mục đích	Không sử dụng	Đang giao khoán, cho thuê, mượn, liên doanh và đang có tranh chấp
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	**1.333,58**	**100,00**	**836,68**	**181,87**	**52,61**	**262,42**

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Trong đó (ha)			
				SD đúng mục đích	SD không đúng mục đích	Không sử dụng	Đang giao khoán, cho thuê, mượn, liên doanh và đang có tranh chấp
1	**Đất nông nghiệp**	**1.328,69**	**99,63**	**835,97**	**181,87**	**51,57**	**259,28**
1.1	Đất trồng cây hàng năm	11,67	0,88	-	-	0,52	11,15
1.1.1	*Đất trồng lúa*	*0,90*	*0,07*	-	-	-	*0,90*
1.1.2	*Đất trồng cây hàng năm khác*	*10,77*	*0,81*	-	-	*0,52*	*10,25*
1.2	Đất trồng cây lâu năm	257,30	19,29	-	181,87	51,02	24,38
1.3	Đất rừng sản xuất	1.058,04	79,34	834,53	-		223,51
1.3.1	*Đất có rừng tự nhiên sản xuất*	*51,70*	*3,88*	*51,70*	-	-	-
1.3.2	*Đất có rừng trồng sản xuất*	*1.005,82*	*75,42*	*782,31*	-	-	*223,51*
1.3.3	*Đất trồng rừng sản xuất*	*0,52*	*0,04*	*0,52*	-	-	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,24	0,02	-	-	-	0,24
1.5	Đất nông nghiệp khác	1,44	0,11	1,44	-	-	-
2	**Đất phi nông nghiệp**	**4,89**	**0,37**	**0,71**	**-**	**1,04**	**3,14**
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	1,65	0,12	0,71	-	0,94	-
2.2	Đất ở	3,14	0,24	-	-	-	3,14
2.2.1	Đất ở nông thôn	3,14	0,24	-	-	-	3,14
2.3	Đất nhà văn hóa	0,10	0,01	-	-	0,10	-

2. Máy móc, thiết bị

Bảng số 7. Tình hình máy móc, thiết bị tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị: triệu đồng

TT	Loại tài sản	Số lượng (cái)	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Máy Photocopy Ricoh 7500	1	53,0	35,33	53,0	35,33
Tổng cộng		**1**	**53,0**	**35,33**	**53,0**	**35,33**

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

3. Phương tiện vận tải

Bảng số 8. Tình hình Phương tiện vận tải tại thời điểm 31/12/2016

Đơn vị: triệu đồng

TT	Loại tài sản	Số lượng (chiếc)	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô Ford	1	655,59	134,48	655,59	360,57
Tổng cộng		**1**	**655,59**	**134,48**	**655,59**	**360,57**

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

VII. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON: Không có

VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1. Doanh thu và lợi nhuận 3 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng số 9. Doanh thu và lợi nhuận trước khi cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.286	90,16	11.128	98,82	15.447	99,44
2	Hoạt động tài chính	195	2,41	110	0,98	58	0,37
3	Thu nhập khác	600	7,43	23	0,20	30	0,19
	Tổng cộng	**8.081**	**100**	**11.261**	**100**	**15.535**	**100**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016)

1.2. Nguyên vật liệu

- Nguyên nhiên vật liệu chính trong quá trình hoạt động SXKD của công ty là cây giống và phân bón.

+ Cây giống: với mục tiêu cung cấp đủ cây giống có chất lượng tốt, phong phú về chủng loại để thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh, Công ty đã và đang triển khai thực hiện tự túc cung cấp nguồn cây giống đồng thời thiết lập mối quan hệ khách hàng gắn bó với các cơ sở cung ứng hạt/ cây giống có uy tín trên địa bàn tỉnh và các tỉnh bạn nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu có chất lượng cao, có phẩm chất di truyền phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Tuyên Quang.

+ Phân bón: phân bón NPK, đạm, lân, thuốc trừ sâu, ... công ty mua ngoài của đơn vị cung cấp uy tín, có thương hiệu, đồng thời, Công ty dần thay thế bằng các loại phân hữu cơ (phụ phẩm từ hoạt động chăn nuôi dưới tán cây). Đây là bước đi đúng đắn, giúp cải tạo và nâng cao chất lượng của đất trồng, ...

+ Nguyên nhiên liệu khác: Xăng, dầu, túi bầu (để ươm giống cây), than...

- Nguồn cung cấp nguyên nhiên vật liệu: trong nước.

Bảng số 10. Danh sách nhà cung cấp Nguyên vật liệu chính cho Công ty

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm, nguyên liệu cung cấp
1	Công ty CP đầu tư thương mại Bình Nguyên	Phân NPK
2	Công ty CP giống vật tư nông lâm nghiệp Tuyên Quang	Phân NPK

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

1.3. Chi phí sản xuất

Đối với Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được xem là mục tiêu quan trọng nhất, do đó vấn đề tiết kiệm các chi phí đang hết sức được coi trọng ở Công ty.

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm 2014, 2015, 2016 như sau:

Bảng số 11. Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2014-2016

TT	Cơ cấu chi phí	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (Tr. đồng)	%/ DTT
1	Giá vốn hàng bán	4.455	61,14%	6.700	60,21%	8.873	57,44%
2	Chi phí bán hàng	-	-	-		-	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.846	25,34%	2.757	24,78%	2.623	16,98%
4	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	
5	Chi phí khác	5	0,07%	-	-	1.051	6,80%
Tổng cộng chi phí		**6.306**	**86,55%**	**9.457**	**84,99%**	**12.547**	**81,23%**
Doanh thu thuần		**7.286**	**100%**	**11.128**	**100%**	**15.447**	**100%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016)

1.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, sản phẩm chính của công ty là sản phẩm gỗ rừng trồng, giống cây lâm nghiệp... Sản phẩm cung cấp cho các đơn vị, đối tác và phục vụ nhu cầu của người dân trên địa bàn hoạt động là chính, chưa có những sản phẩm mang tính chất xuất khẩu, sản phẩm chế biến theo nhu cầu của khách hàng, đối tác nên công ty chưa có phát triển những sản phẩm mới trong hoạt động kinh doanh.

1.5. Tình hình kiểm tra chất lượng, sản phẩm dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: do đặc thù ngành nghề kinh doanh là nông, lâm nghiệp Công ty chưa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn mà áp dụng riêng cho từng loại hình sản phẩm.

- Đối với các sản phẩm lâm sinh áp dụng tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Đối với sản phẩm gỗ chế biến chất lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty: các sản phẩm lâm sinh do Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật chịu trách nhiệm việc kiểm tra chất lượng sản phẩm do công ty cung cấp

1.6. Hoạt động marketing

Do đặc thù sản phẩm, mục tiêu sản xuất kinh doanh, chủng loại sản phẩm và khối lượng sản phẩm sản xuất hàng năm không lớn, Công ty không xuất khẩu trực tiếp nên hoạt động marketing chủ yếu là chào hàng trực tiếp tới các khách hàng trong nước. Về cơ bản, Công ty không có bộ phận chuyên triển khai Marketing. Hoạt động giới thiệu sản phẩm thường thông qua sự giới thiệu của các cấp quản lí và các khách hàng truyền thống và thông qua các kênh gián tiếp khác như thông tin cho các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong tỉnh để có thông tin chung về giá cả và thị trường.

1.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực trồng và khai thác rừng, Công ty hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng.

1.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Là một doanh nghiệp sản xuất và cung cấp sản phẩm gỗ cho các doanh nghiệp chế biến, sản xuất đồ gỗ, giấy, bao bì, bán buôn tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến... do đó các hợp đồng lớn của Công ty chủ yếu là cung cấp gỗ rừng trồng. Các đối tác của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp, công ty chế biến, và sản xuất giấy.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014 - 2016

Bảng số 12. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	20.468	17.353	21.719
2. Vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán	Tr. đồng	8.518	8.885	10.504
3. Nợ vay ngắn hạn	Tr. đồng	10.887	7.905	10.965
4. Nợ vay dài hạn	Tr. đồng	750	250	250
5. Tổng số lao động	Người	56	52	48
6. Tổng quỹ lương	Tr. đồng	5.444	4.977	5.409
7. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr. đồng	8	8	9,5
8. Tổng doanh thu	Tr. đồng	8.081	11.261	15.535

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
9. Tổng chi phí	Tr. đồng	6.306	9.457	12.547
10. Lợi nhuận thực hiện	Tr. đồng	1.776	1.805	2.989
11. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	1.420	1.444	2.330
12. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	16,67	16,25	22,18

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016)

3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

3.1. Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cấp, các nghành, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của công ty. Cán bộ công nhân viên trong công ty luôn đoàn kết thống nhất, tự giác trách nhiệm với công việc được giao, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Quản lý Nhà nước về trồng rừng liên doanh, khai thác và vận chuyển lâm sản gỗ rừng trồng thông thoáng, thuận lợi.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các cơ quan ban ngành của địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và là đơn vị đã hoạt động lâu tại địa phương, công ty có đội ngũ lao động lành nghề, nguồn khách hàng tiêu thụ ổn định.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước. Do vậy quyền và chế độ của người lao động được đảm bảo

3.2. Khó khăn

Khó khăn đặc thù SXKD của nghề lâm nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu biến đổi, sâu bệnh, tài sản phân bố rộng, phân tán triên địa hình đồi núi phức tạp, việc quản lý gặp nhiều khó khăn nhất là công tác bảo vệ rừng luôn diễn biến phức tạp ở nhiều thời điểm, nhiều nơi.

Chăm sóc rừng yêu cầu kỹ thuật theo đúng thời vụ nên nhiều hộ gia đình trồng rừng liên doanh chưa chăm sóc kịp thời nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng rừng trồng.

IX. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi quản lý diện tích rừng và đất

lâm nghiệp trên địa bàn 02 xã (xã Đội Cấn, xã Thái Long) thuộc thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và 08 xã (xã Đội Bình, xã Chân Sơn, xã Trung Môn, xã Lang Quán, xã Hoàng Khai, xã Phú Lâm, xã Mỹ Bằng, xã Kim Phú) thuộc địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Trong những năm gần đây, nhiệm vụ của công ty là quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích đất lâm nghiệp, hình thành vùng sản xuất gỗ nguyên liệu gắn với chế biến lâm sản phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Góp phần vào việc nâng cao độ che phủ của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng cường vai trò chức năng phòng hộ, bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế thiệt hại do thiên tai và lũ bão gây ra, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo việc làm cho cán bộ công nhân viên công ty và người dân trong vùng, điều hòa nguồn nước phục vụ sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Xét về quy mô, năng suất lao động, sản phẩm, mức độ đầu tư vào công nghệ, trình độ quản lý, sản xuất, số lượng người lao động và quy mô vốn thì vị thế của công ty khá tương đồng với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh.

2. Triển vọng phát triển của ngành

Tăng cường quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích đất được quy hoạch cho lâm nghiệp, hoàn thành mục tiêu nâng độ che phủ rừng, gắn với phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường sinh thái, khu dân cư, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ phát triển rừng với công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Hình thành vùng sản xuất gỗ nguyên liệu gắn với chế biến lâm sản phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và dịch vụ du lịch sinh thái.

Tiếp tục sắp xếp, đổi mới Công ty lâm nghiệp nhằm góp phần bảo vệ quốc phòng an ninh vùng biên giới, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người. Đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới..

3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Qua vị trí, nhiệm vụ chức năng của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi và định hướng phát triển ngành lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020 và các năm tiếp theo là phù hợp, thuận lợi cho việc sản xuất gắn liền với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Công ty có nhiều kinh nghiệm trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, chế biến lâm sản, sản phẩm công ty sản xuất ra tiêu thụ được ngay, giá thành hợp lý. Đây là yếu tố thuận lợi giúp công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần.

Tổ chức quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh, hình thành

vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh gắn với chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa.

Với chiến lược hoạt động kinh doanh gắn với mục tiêu về kinh tế, chính trị, xã hội, hoạt động của công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, đây được coi là động lực và yếu tố thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới sau khi chuyển sang công ty cổ phần.

X. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ hội và thách thức

- **Cơ hội**

Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được Chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Chuyển sang mô hình công ty cổ phần, sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình kinh tế, xã hội

Đầu ra sản phẩm thuận lợi do trên địa bàn có Công ty cổ phần giấy An Hoà, đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Thách thức**

Cũng như các doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sang công ty cổ phần khác, Công ty đã được thành lập và hoạt động dưới mô hình do Nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc vào chủ sở hữu. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hoá đặc biệt là sự xáo trộn, thay đổi lớn trong phương thức quản trị điều hành của Công ty, đòi hỏi có một khoảng thời gian cho việc thích nghi.

Hiện nay, xu hướng công nghiệp phát triển mạnh ở các khu vực lân cận đã thu hút số lượng lớn lao động phổ thông, điều này gây khó khăn cho công ty trong việc huy động lao động thực hiện cho công việc trong từng giai đoạn sản xuất kinh doanh, làm tăng chí phí thuê nhân công ngoài.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, biến đổi khí hậu, sâu bệnh ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm.

2. Mục tiêu phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản.

2.1. Mục tiêu phát triển sản xuất

- Xây dựng Công ty cổ phần Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp,

liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặt hàng của các đối tác.Thông qua hợp tác đầu tư để nâng cao trình độ quản lý, thay đổi công nghệ sản xuất.
- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý, nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.
- Định hình và phát triển văn hóa Công ty theo mô hình Công ty cổ phần.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và khuyến khích các hoạt động sáng tạo để đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đưa vị thế doanh nghiệp lên tầm cao hơn, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế.
- Rà soát lại tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty để có giải pháp kịp thời tiếp tục phát huy các ngành nghề sẵn có đã và đang đem lại hiệu quả: trồng rừng, chăn nuôi dưới tán, trồng xen trong vườn cây lâu năm,...
- Về kỹ thuật, công nghệ: Từng bước đổi mới trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao
- Cải tiến quy trình kỹ thuật, lựa chon loài cây phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.2. Định hướng phát triển

Với uy tín trong ngành lâm nghiệp, sau cổ phần hóa Công ty sẽ vẫn tiếp tục phát huy những thế mạnh, tiềm lực sẵn có, giữ vững ngành nghề truyền thống là trồng rừng, khai thác chế biến gỗ, chế biến và kinh doanh sản phẩm từ gỗ. Bên cạnh đó sẽ mở rộng và phát triển thêm một số ngành nghề dịch vụ nhằm đa dạng hóa sản phẩm và phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu là trồng rừng và khai thác lâm sản; Kinh doanh, chế biến gỗ các loại và thực hiện các hoạt động dịch vụ gắn liền với du lịch sinh thái và môi trường.

2.3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hoá

Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất Công ty là đổi mới và củng cố lại quản trị Công ty, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 13. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ tiêu kế hoạch				
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Rừng khai thác		Rừng trồng năm 2005 + 2006 + 2012	Rừng trồng năm 2013	Rừng trồng năm 2014	Rừng trồng năm 2015	Rừng trồng năm 2016
2	Diện tích khai thác	ha	70,4	58,06	79,39	115,06	130,69
3	Sản lượng khai thác	m^3	5.632,00	4.644,80	6.351,20	10.355,40	11.762,10
4	Giá bán	Đồng	800.000	840.000	880.000	920.000	960.000
5	Doanh thu	Đồng	4.505.600.000	3.901.632.000	5.589.056.000	9.526.968.000	11.291.616.000
6	Giá vốn	Đồng	2.660.865.870	1.832.963.718	3.513.561.533	4.094.813.288	4.713.673.394
7	Chi phí QLDN	Đồng	1.500.000.000	1.575.000.000	1.653.750.000	1.736.437.500	1.823.259.375
8	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	344.734.130	493.668.282	421.744.467	3.695.717.212	4.754.683.231
9	Thuế TNDN	Đồng	68.946.826	98.733.656	84.348.893	739.143.442	950.936.646
10	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	275.787.304	394.934.626	337.395.574	2.956.573.770	3.803.746.585
11	Lao động	Người	42	42	42	42	42
12	Thu nhập bình quân	trđ/người/tháng	7,5	7,8	8,2	8,6	9,0
13	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5	5	5	5	5

XI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng

Bảng số 14. Diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Trong đó (ha)			
				SD đúng mục đích	SD không đúng mục đích	Không sử dụng	Đang giao khoán, cho thuê, mượn, liên doanh và đang có tranh chấp
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	**1.333,58**	**100,00**	**836,68**	**181,87**	**52,61**	**262,42**
1	**Đất nông nghiệp**	**1.328,69**	**99,63**	**835,97**	**181,87**	**51,57**	**259,28**
1.1	Đất trồng cây hàng năm	11,67	0,88	-	-	0,52	11,15
1.1.1	*Đất trồng lúa*	*0,90*	*0,07*	-	-	-	*0,90*
1.1.2	*Đất trồng cây hàng năm khác*	*10,77*	*0,81*	-	-	*0,52*	*10,25*
1.2	Đất trồng cây lâu năm	257,30	19,29	-	181,87	51,02	24,38
1.3	Đất rừng sản xuất	1.058,04	79,34	834,53	-		223,51
1.3.1	*Đất có rừng tự nhiên sản xuất*	*51,70*	*3,88*	*51,70*	-	-	-
1.3.2	*Đất có rừng trồng sản xuất*	*1.005,82*	*75,42*	*782,31*	-	-	*223,51*
1.3.3	*Đất trồng rừng sản xuất*	*0,52*	*0,04*	*0,52*	-	-	-

1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,24	0,02	-	-	-	0,24
1.5	Đất nông nghiệp khác	1,44	0,11	1,44	-	-	-
2	**Đất phi nông nghiệp**	**4,89**	**0,37**	**0,71**	**-**	**1,04**	**3,14**
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	1,65	0,12	0,71	-	0,94	-
2.2	Đất ở	3,14	0,24	-	-	-	3,14
2.2.1	Đất ở nông thôn	3,14	0,24	-	-	-	3,14
2.3	Đất nhà văn hóa	0,10	0,01	-	-	0,10	-

(Nguồn: Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

2. Diện tích đất giữ lại sử dụng

Bảng số 15. Diện tích đất giữ lại sử dụng

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Trong đó (ha)	
			Giao đất không thu tiền SDĐ	Thuê đất
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	**1.007,75**	**51,70**	**956,05**
1	**Đất nông nghiệp**	**1.007,04**	**51,70**	**955,34**
1.1	Đất trồng cây lâu năm	181,87		181,87
1.2	Đất rừng sản xuất	823,73	51,70	772,03
1.2.1	Đất có rừng tự nhiên sản xuất	51,70	51,70	-
1.2.2	Đất có rừng trồng sản xuất	771,51		771,51
1.2.3	Đất trồng rừng sản xuất	0,52		0,52
1.3	Đất nông nghiệp khác	1,44		1,44
2	**Đất phi nông nghiệp**	**0,71**		**0,71**
2.1	Đất thương mại, dịch vụ (Văn phòng công ty 0,09ha; Văn phòng đội Kỳ Lãm 0,23ha; Văn phòng đội Trung Môn 0,16ha; Văn phòng đội Mỹ Lâm 0,23ha.	0,71		0,71

(Nguồn: Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

3. Diện tích đất trả lại địa phương

Bảng số 16. Diện tích đất trả lại địa phương

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Trong đó (ha)		
			Dôi ra do thu hẹp nhiệm vụ	Không sử dụng	Đất có tranh chấp, lấn chiếm
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	**325,83**	**10,80**	**52,61**	**262,42**
1	**Đất nông nghiệp**	**321,65**	**10,80**	**51,57**	**259,28**
1.1	Đất trồng cây hàng năm	11,67	-	0,52	11,15
1.1.1	Đất trồng lúa	0,90	-	-	0,90
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	10,77	-	0,52	10,25
1.2	Đất trồng cây lâu năm	75,43	-	51,05	24,38
1.3	Đất rừng sản xuất	234,31	10,80	-	223,51
1.3.1	Đất có rừng trồng sản xuất	234,31	10,80	-	223,51
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,24	-	-	0,24
2	**Đất phi nông nghiệp**	**4,18**	**-**	**1,04**	**3,14**
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	0,94	-	0,94	-
2.2	Đất ở	3,14	-	-	3,14
2.2.1	Đất ở nông thôn	3,14	-	-	3,14
2.3	Đất nhà văn hóa	0,10	-	0,10	-

(Nguồn: Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

Bảng số 17. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

STT	Loại đất	Tổng diện tích chuyển mục đích (ha)	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm (ha)		
			Quý IV Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	181,87	181,87		

1.1	Đất trồng cây lâu năm sang trồng cây lâm nghiệp	181,87	181,87		

(Nguồn: Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

XII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

- Hội đồng quản trị: 03 người. Hội đồng quản trị hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm
- Ban Giám đốc: 02 người, trong đó: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc
- Ban kiểm soát: 03 người.
- Các phòng:

+ Kế hoạch - Kỹ thuật: 04 người
+ Tổ chức hành chính: 02 người
+ Kế toán: 03 người

- Đội sản xuất: 03 Đội
  + Đội SXLN Trung môn;
  + Đội SXLN Mỹ Lâm;
  + Đội SXLN Kỳ Lãm.
- Sơ đồ số 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa

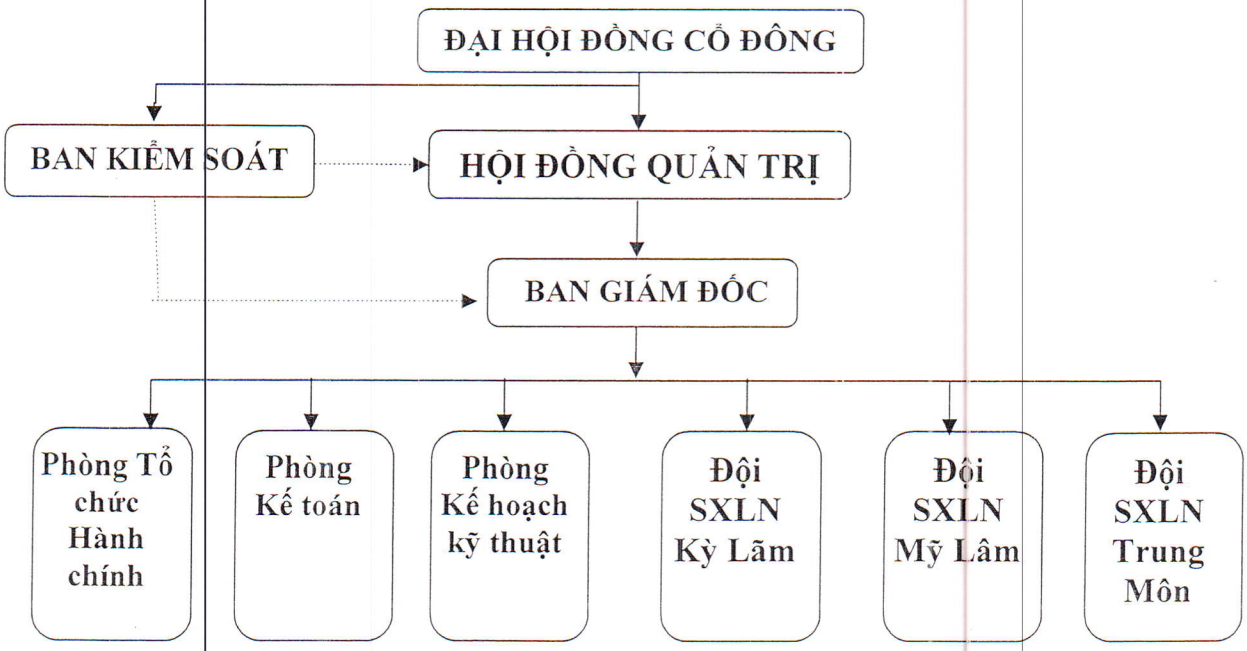

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi)

XIII. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Quy mô vốn điều lệ:

Giá trị thực tế của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 để cổ phần hóa: 29.721.834.331

đồng. Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả là: 11.215.484.442 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 18.506.349.889 đồng

(Bằng chữ: Mười tám tỷ, năm trăm linh sáu triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng)

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa;
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Công ty chọn hình thức cổ phần hóa là **Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại Công ty.**

- Vốn điều lệ: 18.500.000.000 đồng (Bằng chữ: *Mười tám tỷ năm trăm triệu đồng*)
- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần: 1.850.000 cổ phần

2. Cơ cấu vốn điều lệ:

Bảng số 18. Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	**Vốn nhà nước**	-	-
2	**Bán cho người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm:**	**68.800**	**3,72%**
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	38.600	2,09%
2.2	Cổ phần bán cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	30.200	1,63%
3	**Cổ phần tổ chức Công đoàn**	-	-
4	**Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư khác**	**1.781.200**	**96,28%**
	Tổng Cộng	**1.850.000**	**100%**

XIV. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng

trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

2. Rủi ro luật pháp

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ Đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần, do đó hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các luật chuyên ngành khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện, việc vận dụng các quy định của luật pháp vào thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán. Hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng của các quy định khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán....Theo dự kiến, các sắc luật này sẽ tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh nghiệp hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn..

3. Rủi ro đặc thù

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp, với đặc thù là sản xuất lâm nghiệp (trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác và chế biến gỗ rừng trồng) gắn liền với đất đai, phụ thuộc vào thời tiết và thổ nhưỡng; dân cư địa phương một phần là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa, dân trí thấp. Do vậy, những ảnh hưởng của thiên tai cho biến đổi khí hậu (hạn hán, cháy rừng, bão lụt...) hay ý thức chủ quan của con người (tranh chấp, lấn chiếm đất đai, phá rừng, suy thoái rừng, ô nhiễm môi trường) sẽ có thể tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

4. Rủi ro từ đợt chào bán

Thị trường Chứng khoán Việt Nam được thành lập từ năm 2007 và còn tương đối non trẻ, những thực trạng đang diễn ra trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay cũng như tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định. Phần đông trong số họ đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC chưa thực sự sôi động. Chính vì thế, quyết định chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công

ty vào thời điểm này có thể sẽ gặp một số khó khăn và bất lợi cho việc hấp thụ hết số cổ phần chào bán của Công ty.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

XV. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

1.1. Cổ phần bán cho người lao động

- **Bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước**

Căn cứ khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần: *người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cử xuống làm đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp khác chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác* được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp *(31/12/2016)*, tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là: 45 lao động. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	:	45 lao động
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn thời gian làm việc tại khu vực nhà nước	:	43 lao động
- Tổng số CBCNV không được mua cổ phần ưu đãi:	:	02 lao động
- Tổng số CBCNV đăng ký mua cổ phần ưu đãi	:	35 người *(Có phụ lục kèm theo)*

- Tổng số cổ phần mua theo thời gian làm việc trong khu vực nhà nước	:	38.600 cổ phần
- Giá bán (10.000 đồng/cổ phần x 60%)	:	6.000 đồng/cổ phần
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng	:	03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.

- **Bán cổ phần cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần**

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, quy định như sau:

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau:

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Hội nghị người lao động của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.

Công ty đã tổ chức Hội nghị người lao động để phổ biến tới người lao động chính sách mua cổ phần của người lao động và thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi. Phương án mua thêm cổ phần đối với Người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần như sau:

** Tiêu chí người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao:*

- Tốt nghiệp từ Đại học trở lên;
- Giữ chức vụ trưởng Phòng, Đội trưởng trở lên tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

** Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP của người lao động như sau:*

- Số lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	:	**42 người**
- Số lao động đăng ký mua cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP	:	**18 người**
- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo số năm cam kết	:	**30.200 cổ phần**
- Giá bán	:	12.500 đồng/cổ phần

Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định (mua theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước và mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần) là: 68.800 cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi thực hiện bán đấu giá công khai.

1.2. Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, *"Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại Điều 26 Luật Công đoàn năm 2012; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ"*. Tuy nhiên, kinh phí của Công đoàn Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi chỉ đủ chi hoạt động thường xuyên nên Công đoàn không tham gia mua cổ phần khi cổ phần hóa.

1.3. Cổ phần chào bán ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- Tổng số cổ phần bán đấu giá	:	**1.781.200** cổ phần *(tương ứng chiếm 96,28% Vốn điều lệ Công ty cổ phần)*
- Mệnh giá		10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm	:	12.500 đồng/cổ phần
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá cổ phần	:	**Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia** Tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần	:	**Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội** – Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Thời gian bán đấu giá : Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Đối với người lao động: Theo Thông báo bán cổ phần cho người lao động do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi ban hành.

Đối với Nhà đầu tư trúng đấu giá: Theo Quy chế đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

XVI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, chi tiết như sau:

Bảng số 19. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá trị (đồng)
1. Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(1)		18.506.349.889
2. Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(2)	1.850.000	18.500.000.000
3. Giá trị chênh lệch vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại và vốn Điều lệ công ty phải nộp ngân sách	3=(1-2)		6.349.889
4. Vốn nhà nước tại CTCP		0	0
5. Giá trị cổ phần phát hành thêm		0	0
6. Tiền thu được từ bán cổ phần	**6= (6a +6b +6c +6d + 6e)**		**22.874.100.000**
- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho người lao động (38.600 cổ phần x 6.000 đồng/cổ phần)	6a	38.600	231.600.000
- Từ bán cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần (30.200 cổ phần x 12.500	6b	30.200	377.500.000

đồng/cổ phần)			
Bán cho tổ chức công đoàn	6c	0	0
Bán cho đối tác chiến lược	6d	0	0
Bán đấu giá công khai lần đầu (Giả định: bán đấu giá thành công 1.781.200 cổ phần với giá là 12.500 đồng/cổ phần)	6e	1.781.200	22.265.000.000
7. Chi phí cổ phần hóa	(7)		600.000.000
8. Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(8)		0
9. Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN	**9=(3+6)-(7+8)**		**22.280.449.889**

XVII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi

Ông: Nguyễn Đình Quang - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt.

2. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi

Ông Nguyễn Văn Trung – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn

Bà Trần Thị Thu Hương - Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này rất trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của Luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nguyễn Văn Trỗi.

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 08 năm 2018

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Đình Quang

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGUYỄN VĂN TRỖI

CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trung

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018

ĐẠI DIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thu Hương